

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Mỹ Lộc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị (1)	Dự toán			Quyết toán											so sánh (%)			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia									Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp			
								Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước						
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=5/1	15=5/2	16=6/3		
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>15.211,3</b>	<b>12.535,1</b>	<b>2.676,2</b>	<b>15.211,3</b>	<b>12.535,1</b>	<b>12.535,1</b>		<b>2.676,2</b>	<b>2.676,2</b>						
<b>I</b>	<b>Ngân sách cấp huyện</b>				<b>5.996,2</b>	<b>5.250,0</b>	<b>746,2</b>	<b>5.996,2</b>	<b>5.250,0</b>	<b>5.250,0</b>	<b>0,0</b>	<b>746,2</b>	<b>746,2</b>						
1	Phòng Nông nghiệp & PTNT				338,1		338,1	338,1	0,0			338,1	338,1						
2	UB Mặt trận tổ quốc				61,9		61,9	61,9	0,0			61,9	61,9						
3	Phòng KTHT				51,8		51,8	51,8	0,0			51,8	51,8						
4	Phòng Lao động TBXH				185,3		185,3	185,3	0,0			185,3	185,3						
5	Trung tâm GDNN- GDTX				63,0		63,0	63,0	0,0			63,0	63,0						
6	Phòng Văn hoá & TTTT				46,0		46,0	46,0	0,0			46,0	46,0						
7	Ban QLDA đầu tư XD huyện				5.250,0	5.250,0		5.250,0	5.250,0	5.250,0		0,0							
<b>II</b>	<b>Ngân sách xã</b>				<b>9.215,1</b>	<b>7.285,1</b>	<b>1.930,0</b>	<b>9.215,1</b>	<b>7.285,1</b>	<b>7.285,1</b>	<b>0,0</b>	<b>1.930,0</b>	<b>1.930,0</b>						
1	Xã Mỹ Tân				2.535,1	2.485,1	50,0	2.535,1	2.485,1	2.485,1		50,0	50,0						
2	Xã Mỹ Trung				350,0	300,0	50,0	350,0	300,0	300,0		50,0	50,0						
3	Xã Mỹ Phúc				320,0	0,0	320,0	320,0	0,0	0,0		320,0	320,0						
4	Xã Mỹ Hà				150,0	0,0	150,0	150,0	0,0	0,0		150,0	150,0						
5	Xã Mỹ Tiến				1.050,0	1.000,0	50,0	1.050,0	1.000,0	1.000,0		50,0	50,0						
6	Xã Mỹ Thắng				1.050,0	1.000,0	50,0	1.050,0	1.000,0	1.000,0		50,0	50,0						
7	Xã Mỹ Thuận				850,0	800,0	50,0	850,0	800,0	800,0		50,0	50,0						

ST T	Tên đơn vị (1)	Dự toán			Quyết toán										so sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia						Tổng số	Trong đó		
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	
								Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước				
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=5/1	15=5/2	16=6/3
8	Xã Mỹ Thịnh				600,0	300,0	300,0	600,0	300,0	300,0		300,0	300,0				
9	Xã Mỹ Thành				1.360,0	800,0	560,0	1.360,0	800,0	800,0		560,0	560,0				
10	Xã Mỹ Hưng				600,0	300,0	300,0	600,0	300,0	300,0		300,0	300,0				
11	TT Mỹ Lộc				350,0	300,0	50,0	350,0	300,0	300,0		50,0	50,0				